**Ngày dạy:** **Từ ngày 14 🡪 19/9/2020**

***Tuần: 02 Tiết: 03***

**Bài 3: QUẦN CƯ ĐÔ THỊ HÓA**

**I. MỤC TIÊU**

***Kiến thức:***

- Biết được những đặc điểm cơ bản của quần cư nông thôn và quần cư thành thị, sự khác nhau về lối sống giữa hai quần cư.

- Biết được vài nét lịch sử phát triển đô thị và sự hình thành các siêu đô thị.

***Kĩ năng:***

 - Nhận biết quần cư đô thị, quần cư nông thôn qua ảnh chụp, hình vẽ trong thực tế.

***Thái độ****:*

 - Tích cực học tập, tự nghiên cứu tài liệu bổ sung kiến thức.

**II. CHUẨN BỊ:**

GV: Lược đồ dân cư thế giới có các đô thị.

HS: Chuẩn bị bài trước ở nhà.

**III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.**

Đàm thoại, thảo luận nhóm.

**IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.**

1. **Ổn định lớp**: **(1p)**
2. **Kiểm tra**: **(4p)**

 - Giải thích tại sao những khu vực đồng bằng dân cư đông, trung du miền núi dân tập trung sinh sống thưa thớt ?

 - Căn cứ trên cơ sở nào để chia dân cư thế giới thành các chủng tộc. Việt Nam thuộc chủng tộc nào ?

1. **Dạy học bài mới:**

Các bạn đã được nghe tới thuật ngữ “ dân nông thôn, đô thị”.vậy dân cư ở hai khu vực này có đặc điểm gì? nông thôn và đô thị có gì khác nhau? Bài học này sẽ giúp các em giải đáp những câu hỏi này?(**1p**)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Quần cư nông thôn và quần cư đô thị** **(20p)** |
| - Gv yêu cầu HS đọc thuật ngữ: “Quần cư”- Quần cư tác động đến yếu tố nào của dân cư ở một nơi ?- Qs H3.1 và H3.2 SGK, cho HS thảo luận nhóm:+ Cho biết sự khác nhau giữa hai kiểu quần cư đô thị và nông thôn ?+ Cách tổ chức sinh sống ?+ Mật độ ? Lối sống ?+ Hoạt động kinh tế ?- Gv yêu cầu các nhóm hoàn thiện bảng sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Quần cư nông thôn | Quần cư đô thị |
| Mật độ |  |  |
| Nhà cửa |  |  |
| Hoạt động kinh tế |  |  |
| Lối sống |  |  |

- GV kết luận, hướng dẫn học sinh ghi bài. | - Hs đọc.- Sự phân bố, mật độ, lối sống…- Hs quan sát hình.- Thảo luận nhóm mỗi nhóm tìm hiểu một kiểu quần cư theo yêu cầu.- Đại diện nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  | **1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị** - Có 2 kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và quần cư đô thị.- Quần cư nông thôn: là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hay ngư nghiệp. Làng mạc, thôn xóm thường phân tán gắn với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng, hay mặt nước. Mật độ dân cư thấp. - Quần cư đô thị: là hình thức tổ chức sinh sống dựa vào hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Nhà cửa tập trung với mật độ cao. Mật độ đan cư cao. - Lối sống nông thôn và lối sống đô thị có nhiều điểm khác biệt. |
| - Đô thị xuất hiện sớm nhất vào lúc nào ? Ở đâu ? - Xuất hiện đô thị do nhu cầu gì của xã hội loài người ? - Đô thị phát triển nhất khi nào ?- Gv kết luận:- Qs hình 3.3 SGK cho biết có bao nhiêu siêu đô thị trên thế giới ?- Các siêu đô thị phần lớn thuộc nhóm nước nào ?- Gv kết luận:- Sự gia tăng tự phát của ds trong các đô thị dẫn đến hậu quả gì ? | - Thời kì cổ đại: Trung Quốc, Ấn Độ, La Mã.- Trao đổi hàng hoá có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.- Thế kỉ XIX.- Có 23 siêu đô thị trên thế giới.- Những nước đang phát triển.- Môi trường, sức khoẻ, gt.. | **2. Đô thị hoá. Các siêu đô thị**- Đô thị hóa là xu thế tất yếu của thế giới.- Dân số đô thị trên thế giới ngày càng tăng, hiện có khoảng một nửa dân số thế giới sống trong các đô thị.- Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng, trở thành siêu đô thị.- Kể tên một số siêu đô thị tiêu biểu ở các châu lục. |

1. **Củng cố: (3p)**

- Đặc điểm khác nhau cơ bản của hai loại quần cư chính ?

 - Gv hướng dẫn BT 2: Từng cột, theo ngôi thứ, theo châu lục, nhận xét.

**5. Hướng dẫn HS học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau: (1p)**

 - Ôn cách đọc tháp tuổi, kĩ năng nhận xét phân tích các tháp tuổi.

 - Yêu cầu Hs về nhà học bài, chuẩn bị trước bài thực hành.

**V. RÚT KINH NGHIỆM.**

- GV hướng dẫn học sinh cách sử dụng tập bản đồ Địa Lí 7 trong học bài.

- GV chú ý một số học sinh chưa tập chú ý nghe giảng.

- Liên hệ quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

- Có điều kiện nên giảng trên PowerPoint.

**Ngày dạy: Từ ngày 14 🡪 19/9/2020**

***Tuần: 02 Tiết: 04***

**Bài 4: Thực hành: Phân tích lược đồ dân số và tháp tuổi.**

**I. Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

Củng cố cho học sinh kiến thức đã học trong toàn chương.

- Khái niệm mật độ dân số và sự phân bố dân cư không đều trên thế giới.

- Các khái niệm đô thị, siêu đô thị, sự phân bố các siêu đô thị ở Châu Á.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố, nâng cao thêm các kĩ năng: Nhận biết một số cách thể hiện mật độ dân số, phân bố dân cư, các siêu đô thị ở Châu Á.

- Đọc khai thác thông tin trên lược đồ dân số, sự biến đổi kết cấu dân số theo độ tuổi ở một địa phương qua tháp tuổi, nhận dạng tháp tuổi.

- Vận dụng để tìm hiểu dân số Châu Á, dân số Việt Nam.

**3. Thái độ: Tinh th**ần đoàn kết, thưc hiện tốt chính sách dan số KHHGĐ

**II. Các phương tiện dạy học cần thiết.**

* Tháp tuổi phóng to.
* Bản đồ hành chính Việt Nam.
* Bản đồ tự nhiên Châu Á.
* Bản đồ phân bố dân cư đô thị Châu Á.

**III. Tiến tình tổ chức bài thực hành:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**Kết hợp trong quá trình thực hành.

**3. Bài mới:**

Qua bài thực hành giúp các em nắm chắc hơn các khái niệm mật độ dân số, sự phân bố dân cư không đồng đều. Khái niệm về đô thị, siêu đô thị, sự phân bố các siêu đô thị.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:** Đọc, phân tích biểu đồ tháp tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. |
| - GV: Hướng dẫn HS quan sát H 4.2 và H 4.3.*? Hình dạng hai tháp tuổi có gì thay đổi?**? Nhắc lại độ tuổi trong từng nhóm tuổi?**? Nhóm tuổi nào tăng về tỷ lệ, nhóm tuổi nào giảm về tỷ lệ?**? Vậy em có nhận xét gì về tình hình dân số Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm qua?*🡪 GV chuẩn hóa kiến thức, hướng dẫn học sinh ghi bài vào vở.  |  - HS: Ở tháp tuổi 1989 đáy rộng, thân hẹp hơn so với tháp tuổi năm 1999.- HS:+ Dưới tuổi lao động: 0- 14 tuổi.+ Trong độ tuổi lao động: 15 – 59 tuổi.+ Trên độ tuổi lao động: 60 tuổi trở lên.- HS: Nhóm tuổi trong độ tuổi lao động tăng về tỷ lệ, nhóm tuổi dưới độ tuổi lao động giảm về tỷ lệ.- HS: Dân số của Thành phố Hồ Chí Minh sau 10 năm có xu hướng già hóa. | **1. Đọc, phân tích biểu đồ tháp tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh** - Cơ cấu dân số phân theo độ tuổi:+ Dưới tuổi lao động: 0- 14 tuổi.+ Trong độ tuổi lao động: 15 – 59 tuổi.+ Trên độ tuổi lao động: 60 tuổi trở lên.- Dân số của Thành phố Hồ Chí Minh sau 10 năm có xu hướng già hóa. |
| **Hoạt động 2:** Sự phân bố dân cư Châu Á. |
| - GV: Hướng dẫn HS quan sát H 4.4 SGK, đọc bảng chú giải trên lược đồ.*? Những khu vực tập trung nhiều chấm đỏ nói lên điều gì?*- GV: Treo bản đồ phân bố dân cư đô thị Châu Á.*? Xác định và đọc tên các đô thị lớn và vừa ở Châu Á?**? Vị trí các đô thị lớn có đặc điểm chung gì?**? Xác định trên bản đồ các siêu đô thị thuộc những quốc gia nào?* | - HS: Là nơi tập trung đông dân cư (mật độ dân số cao).- HS: Xác định vị trí các đô thị trên bản đồ.- HS: Các đô thị lớn thường tập trung ở ven biển và các đại dương, ở trung và hạ lưu của các con sông lớn.- HS: Xác định trên bản đồ treo tường. | **2. Sự phân bố dân cư Châu Á.**- Các đô thị lớn thường tập trung ở ven biển và các đại dương, ở trung và hạ lưu của các con sông lớn. |

**4. Củng cố:**

PHIẾU HỌC TẬP

Hãy chọn và khoanh tròn vào đáp án trả lời đúng nhất trong những câu sau.

Mật độ dân số trung bình là:

1. Tổng số dân trên 1 đơn vị lãnh thổ.
2. Số người cư trú trung bình trên một đơn vị diện tích.
3. Số lao động trên một đơn vị diện tích.
4. Cả A,B, C đều đúng.

Quan sát 2 tháp tuổi TP Hồ Chí Minh (1989, 1999) cho biết sau 10 năm nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ.

1. Nhóm tuổi 15 - 60.
2. Nhóm tuổi trên 60.
3. Nhóm tuổi 0 – 14.
4. Cả A,B, đều đúng.

**5. Hướng dẫn HS học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau: (1p)**

 - Ôn cách đọc tháp tuổi, kĩ năng nhận xét phân tích các tháp tuổi.

 - Yêu cầu Hs về nhà học bài, chuẩn bị tiếp theo.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM.**

- GV hướng dẫn học sinh cách sử dụng tập bản đồ Địa Lí 7 trong học bài.

- GV chú ý một số học sinh chưa tập chú ý nghe giảng.

- Nên cho học sinh hoạt động nhiều hơn nữa